

Bản án số: 157/2025/KDTM-ST
Ngày: 30-9-2025
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Phước
- Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thùy Dương là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2025/TLST-KDTM ngày 20 tháng 3 năm 2025 về: “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 557/2025/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 446/2025/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần K; Trụ sở: Số A T, phường P, tỉnh Phú Thọ (trước đây là: phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Minh D, sinh năm 1984; Địa chỉ: TDP X, phường P, tỉnh Phú Thọ (trước đây là: TDP X, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc).

Bị đơn: Công ty Cổ phần N; Trụ sở: số D Đường C, phường B (trước đây là: Phường A, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Nam T, sinh năm 1972; Địa chỉ: A, phường T, thành phố Hải Phòng (trước đây là: A, xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty Cổ phần K do bà Hoàng Thị Minh D là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 15/9/2022, nguyên đơn đã thực hiện một giao dịch chuyển tiền qua VCB-IB@ing (dịch vụ cho phép khách hàng thực hiện các giao dịch ngân hàng T1 - Internet banking của V) từ tài khoản Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 - V của nguyên đơn đến tài khoản của Công ty Cổ phần N (sau đây gọi là bị đơn), số tài khoản: 115002862642 tại Ngân hàng thương mại Cổ phần C (V1) số tiền là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Sau khi giao dịch chuyển tiền

hiển thị thành công thì nguyên đơn mới nhận ra rằng thông tin tài khoản ngân hàng của bên thụ hưởng bị sai và số tiền đã được chuyển không đúng đối tượng do sai sót của nguyên đơn trong quá trình thao tác lệnh chuyển tiền qua IB@ing.

Ngay sau khi phát hiện ra sơ suất này, nguyên đơn đã lập tức liên hệ với Ngân hàng TMCP N1 chi nhánh P (VBC Chi nhánh P) đề nghị yêu cầu hỗ trợ tra soát, hủy lệnh chuyển tiền đối với giao dịch trên. Tuy nhiên, đề nghị này không thực hiện được do phía Ngân hàng T2 – chi nhánh V1 không thể liên hệ được với người đại diện pháp luật mới của bị đơn.

Phía nguyên đơn tiếp sau đó đã nhiều lần gửi công văn cho người đại diện theo pháp luật của bị đơn tại địa chỉ trụ sở bị đơn về việc đề nghị hoàn tiền nhưng bị hoàn lại do: Sai số điện thoại (số điện thoại được công bố trên website tìm kiếm của Công ty Cổ phần N: 0286 2767 435) và Công ty này không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh.

Do việc chuyển nhầm này cùng với việc không liên hệ được với phía bị đơn ảnh hưởng vô cùng lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên theo quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015, nguyên đơn yêu cầu Tòa án :

- Buộc Công ty Cổ phần N hoàn trả cho Công ty Cổ phần K số tiền do chuyển nhầm là 450.000.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến.

Do bị đơn vắng mặt và phía nguyên đơn có yêu cầu không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện. Phía nguyên đơn đã mất khoảng thời gian dài và rất khó khăn trong việc liên hệ với bị đơn yêu cầu hoàn trả số tiền này nên mong Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn: Vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án xác định nguyên đơn có chuyển nhầm số tiền 450.000.000 đồng vào tài khoản của bị đơn qua dịch vụ ngân hàng T1 - Internet Banking của V (VCB-IB@ing) . Do không thể liên hệ với bị đơn để thực hiện thủ tục hoàn trả nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả lại số tiền trên là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án “Tranh chấp về đòi lại tài sản” phát sinh trong hoạt động thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi

nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là pháp nhân có địa chỉ trụ sở đăng ký kinh doanh tại Khu V, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Khu vực 4 thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa:

- Do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án và dành quyền kháng cáo cho bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung đối với các yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn hoàn trả số tiền 450.000.000 đồng do nguyên đơn chuyển nhầm vào tài khoản của bị đơn, thấy:

Bị đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được Tòa thực hiện thủ tục xác minh, niêm yết hợp lệ nhưng không đến Tòa, không cung cấp lời khai, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình trong việc xác nhận hay phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là cơ sở để Tòa án xem xét.

Tại sao kê tài khoản của nguyên đơn tại Ngân hàng V ngày 05/12/2024 và chứng từ giao dịch số CT-Doc No: 1509225059074851 thể hiện người ra lệnh (chuyển tiền) số tiền 450.000.000 đồng là nguyên đơn và người hưởng số tiền này là bị đơn, có số tài khoản 115002862642. Phúc đáp văn bản xác minh của Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22/8/2025, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C ghi nhận:

“... 1/ Số tài khoản 115002862642 mở tại V1 đúng là tài khoản của Công ty Cổ phần N có mã số doanh nghiệp 0316461053.

2/ Ngày 15/9/2022 tài khoản 115002862642 của Công ty Cổ phần N có nhận số tiền 450.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP N1 của Công ty Cổ phần K. Số tiền này hiện vẫn còn trong tài khoản 115002862642. (Sao kê kèm theo)”

Từ những tài liệu, chứng cứ trên xác định nguyên đơn có chuyển vào tài khoản bị đơn số tiền 450.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc chuyển tiền này do nhầm lẫn, sai sót nên nguyên đơn đã tìm cách liên hệ với bị đơn thông qua Ngân hàng nơi bị đơn có đăng ký mở tài khoản, đến nơi bị đơn đăng ký trụ sở kinh doanh nhưng không có kết quả. Căn cứ Phiếu cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp của Sở Tài chính Thành phố H cung cấp ngày 05/5/2025, bị đơn chưa đăng ký giải thể và có địa chỉ trụ sở tại: số D Đường C, phường B (trước đây là: Phường A, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Điều 42 Luật Doanh nghiệp năm 2020 được sửa đổi bổ sung Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025: “Trụ sở chính của doanh nghiệp đặt trên lãnh thổ Việt Nam, là địa chỉ liên lạc của doanh nghiệp và được xác định theo địa giới đơn vị hành chính; có số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có)”. Tuy nhiên, theo xác minh của Công an phường bảy H (trước đây là: Phường A, quận T) thì bị đơn hiện không hoạt động thực tế tại địa chỉ trên. Như vậy, việc bị đơn thay đổi một trong những nội dung trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nhưng không thông báo Cơ quan đăng ký kinh doanh theo khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 là

không thực hiện đúng quy định pháp luật và phải chịu trách nhiệm về việc không thông báo này. Ngoài ra, tại điểm d khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19/8/2014 được sửa đổi, bổ sung bằng Thông tư 16/2020/TT-NHNN ngày 04/12/2020 quy định về nghĩa vụ của Chủ tài khoản thanh toán: “Hoàn trả hoặc phối hợp với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hoàn trả các khoản tiền do sai sót, nhầm lẫn đã ghi Có vào tài khoản thanh toán của mình” Từ những phân tích trên, việc bị đơn chiếm hữu số tiền 450.000.000 đồng của nguyên đơn là không có căn cứ pháp luật theo Điều 165 Bộ luật Dân sự nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Nguyên đơn không yêu cầu lãi nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh: Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.
- Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 165, 166 Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty Cổ phần K.

1.1/ Buộc Công ty Cổ phần N có trách nhiệm hoàn trả số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) cho Công ty Cổ phần K.

Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2/ Kể từ ngày Công ty Cổ phần K có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty Cổ phần N chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì Công ty Cổ phần N phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần N phải chịu án phí 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).
- Công ty Cổ phần K được nhận lại số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0003536 ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 4;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Bích Thảo